

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 22/04/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0238	SV6250247	Nguyễn Đình	Thắng	26/04/1999		
2	TA0239	SV6250248	Nguyễn Đức	Thắng	03/08/1999		
3	TA0240	SV6250249	Nguyễn Hữu	Thắng	29/11/1998		
4	TA0241	SV6250250	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	21/06/1999		
5	TA0242	SV6250251	Bùi Công	Thành	27/08/1999		
6	TA0243	SV6250252	Dương Minh	Thành	11/10/1999		
7	TA0244	SV6250253	Lê Đức	Thành	02/09/1999		
8	TA0245	SV6250254	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/02/1999		
9	TA0246	SV6250255	Phạm Văn	Thịem	01/05/1999		
10	TA0247	SV6250256	Nguyễn Gia	Thịnh	11/03/2000		
11	TA0248	SV6250257	Đoàn Thị	Thoan	10/12/1999		
12	TA0249	SV6250258	Hoàng Thị	Thủy	10/02/2000		
34	TA0250	SV6250259	Nguyễn Thị	Thủy	20/11/2000		
13	TA0251	SV6250260	Đào Ngọc	Tiến	18/08/1999		
14	TA0252	SV6250261	Trịnh Đức	Tiến	21/06/1999		
15	TA0253	SV6250262	Lê Thị Thùy	Trang	19/12/2000		
16	TA0254	SV6250263	Nguyễn Thị	Trang	05/06/2000		
17	TA0255	SV6250264	Nguyễn Thu	Trang	15/08/2000		
18	TA0256	SV6250265	Phạm Thu	Trang	22/09/1999		
19	TA0257	SV6250266	Trần Huyền	Trang	24/01/2000		
20	TA0258	SV6250267	Trần Thị Thu	Trang	04/09/1999		
21	TA0259	SV6250268	Trần Hữu	Trình	10/01/1999		
22	TA0260	SV6250269	Hà Ngọc	Trường	25/05/1999		
23	TA0261	SV6250270	Nguyễn Văn	Trường	22/02/1999		
24	TA0262	SV6250271	Vương Tất	Trường	01/07/1999		

25	TA0263	SV6250272	Hoàng Ngọc	Tú	19/07/1999		
26	TA0264	SV6250273	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	25/03/2000		
27	TA0265	SV6250274	Cao Ngọc	Tuân	02/09/1999		
28	TA0266	SV6250275	Nguyễn Văn	Tuấn	29/04/1999		
29	TA0267	SV6250276	Mai Thanh	Tùng	25/06/1999		
30	TA0268	SV6250277	Nguyễn Đức	Tùng	30/09/1999		
31	TA0269	SV6250278	Nguyễn Văn	Tùng	31/08/1999		
32	TA0270	SV6250279	Nguyễn Việt	Tùng	09/06/1999		
33	TA0271	SV6250280	Trần Văn	Tùng	24/01/1999		
34	TA0272	SV6250281	Triịnh Thanh	Tùng	12/12/1999		
35	TA0273	SV6250282	Vũ Mạnh	Tùng	20/12/1999		
36	TA0274	SV6250283	Chử Ngọc	Tuyền	04/06/1999		
37	TA0275	SV6250284	Nguyễn Thế	Vân	31/05/1999		
38	TA0276	SV6250285	Vũ Hồng	Vân	29/12/1999		
39	TA0277	SV6250286	Bùi Trọng	Văn	05/11/1999		
40	TA0278	SV6250287	Đỗ Hoàng	Việt	06/12/1999		
41	TA0279	SV6250288	Nông Tuấn	Vũ	03/11/1999		
42	TA0280	SV6250289	Lê Đình	Vượng	25/11/1999		
43	TA0281	SV6250290	Nguyễn Thị	Xoan	28/05/1999		
44	TA0282	SV6250291	Bạch Hồng	Yến	29/10/2000		
45	TA0283	SV6250292	Đào Hải	Yến	06/04/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)